

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng; Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thu P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 26/5/2017 al, bà có tham gia 01 chung hụi do vợ chồng bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L làm chủ (trong danh sách hụi để tên hụi viên 6 Hón là chồng của bà). Dây hụi này có 25 chung, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Hụi này bà chưa hốt, bà đã đóng được 11 kỳ hụi sống. Đến cuối tháng 5/2018, phía bà P và ông L tuyên bố bế hụi. 11 kỳ hụi sống tính hụi chết là 2.000.000 đồng một kỳ. Bằng 11 kỳ x 2.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

Bà có đến đòi nhiều lần nhưng bà P không trả và cho rằng bà đã ly hôn với chồng vào đầu năm 2019. Nay bà không có khả năng trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/4/2019, của Ban hòa giải ấp Chông Mỹ, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, bà Huỳnh Thu P thừa nhận số tiền hụi mà bà còn thiếu bà D là 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà xin rút lại số tiền lãi hui chết là 5.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà P và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 17.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thu P ông Trịnh Văn L: Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 168/TB-TLVA và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 98/TB-TA cùng ngày 08/5/2019, nhưng bà P, ông L không có ý kiến bằng văn bản hay phản tố gì gửi tòa án; sau đó Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai số 105 ngày 24/5/2019 nhưng bà P và ông L đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và bà P, ông L cũng không có ý kiến gì đến chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ danh sách hui viên, biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 của ban hòa giải ấp Chông Mỹ giữa bà Nguyễn Thị D với bà Huỳnh Thu P nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui còn lại 17.000.000 đồng nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà D. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo.

- *Về thẩm quyền:* Huỳnh Thu P, ông Trịnh Văn L có nơi cư trú tại ấp Chông Mỹ, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là “Hợp đồng góp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Liên quan đến số tiền nợ hui theo danh sách hui viên và biên bản hòa giải ngày 23/4/2019, mà bà P còn nợ hui 11 kỳ hui sống 17.000.000 đồng nên bà D khởi kiện yêu cầu bà P, ông L thanh toán số tiền nêu trên. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

- *Về tư cách đương sự:* Bà Nguyễn Thị D là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà D là nguyên đơn, bà P, ông L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thu P, ông Trịnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt bà P, ông L.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo bà D trình bày, vào ngày 25/6/2017al, bà có tham gia 01 chung hui do vợ chồng bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L làm chủ (trong danh sách hui để tên hui viên 6 Hón là chồng của bà). Đây hui này có

25 chung, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Hụi này bà chưa hốt, bà đã đóng được 11 kỳ hụi sống. Đến cuối tháng 5/2018, phía bà P và ông L tuyên bố bẻ hụi. Tính số tiền hụi sống bà đóng là 17.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 23/4/2019, của Ban hòa giải ấp Chổng Mỹ thì bà Huỳnh Thu P thừa nhận số tiền hụi còn thiếu bà là 17.000.000 đồng.

Tại bản án số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giải quyết ly hôn giữa bà P với ông L. Không có đề cập đến tài sản và nợ chung. Bà xác định trong thời gian bà tham gia chơi hụi thì bà P và ông L là vợ chồng nên buộc bà P với ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 17.000.000 đồng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà D xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi hụi chết là 5.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P, ông L trả cho bà số tiền nợ hụi 17.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà D có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên, biên bản hòa giải ngày 23/4/2019, tại ấp Chổng Mỹ, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời thể hiện qua đơn yêu cầu của bà D;

Xét, sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P, ông L không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 93 và khoản 1, khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Buộc bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch; bà Nguyễn Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 166 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 17.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thu P, ông Trịnh Văn L không thi hành xong khoản tiền trên, bà Huỳnh Thu P, ông Trịnh Văn L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thu P, ông Trịnh Văn L nộp số tiền 850.000 đồng (chưa nộp); bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền 550.000 đồng theo biên lai thu số 0003074 ngày 08/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công